

Suoguo: - Bộ P/1
- Cai đoi u

9/8/2026 *Handwritten signature*

BỘ TÀI CHÍNH
HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1123/TB-HVTC

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2026

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH
PHÂN HIỆU HƯNG YÊN

THÔNG BÁO

ĐẾN Số: 131
Ngày: 9/7
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

TUYÊN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2026 ĐỢT 02
PHÂN HIỆU HỌC VIỆN TÀI CHÍNH TẠI TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ”; Quyết định số 708/QĐ-HVTC ngày 16/6/2025 của Giám đốc Học viện Tài chính về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Học viện Tài chính; Tờ trình số 98/TTr-SĐH ngày 23/03/2026 về việc sửa đổi, bổ sung quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ tại Học viện Tài chính; Chỉ tiêu tuyển sinh trình độ thạc sĩ dự kiến năm 2026. Học viện Tài chính thông báo tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2026 đợt 02 Phân hiệu Học viện Tài chính tại Tỉnh Hưng Yên như sau:

1. Ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến:

TT	Ngành đào tạo	Mã số	Chỉ tiêu dự kiến
1	Tài chính - Ngân hàng	8.34.02.01	95

2. Đối tượng tuyển sinh: Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài có nhân thân rõ ràng.

3. Phương thức tuyển sinh và thang điểm xét tuyển:

3.1. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển;

3.2. Thang điểm xét tuyển: Theo quy định tại **Phụ lục 01** của Thông báo này.

4. Hình thức, thời gian và địa điểm đào tạo:

4.1. Hình thức đào tạo chính quy áp dụng cho chương trình định hướng nghiên cứu và chương trình định hướng ứng dụng. Hình thức đào tạo vừa làm vừa học áp dụng cho chương trình định hướng ứng dụng.

4.2. Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ theo hình thức đào tạo chính quy là 1,5 năm (18 tháng); theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học là 2,0 năm (24 tháng).

4.3. Địa điểm đào tạo: Phân hiệu Học viện Tài chính tại tỉnh Hưng Yên

5. Điều kiện dự tuyển:

5.1. Điều kiện văn bằng:

a) Đã tốt nghiệp đại học ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ;

d) Văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp, ứng viên dự tuyển phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

Ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ được quy định tại **Phụ lục 02** của Thông báo này.

5.2. Về trình độ ngoại ngữ của người dự tuyển:

Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung



Handwritten signature

năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình có số tín chỉ được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài chiếm tối thiểu 60% tổng số tín chỉ;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Học viện Tài chính cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại **Phụ lục số 03** của Thông báo này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

d) Ứng viên dự tuyển không có văn bằng, chứng chỉ tiếng Anh theo qui định hoặc có nhưng đã hết thời hạn, phải tham gia kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh do Học viện Tài chính tổ chức (nếu có) và phải đạt yêu cầu theo quy định trở lên;

đ) Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

5.3. Học bổ sung kiến thức:

Người có bằng đại học trong danh mục ngành thuộc nhóm 1 nhưng đã tốt nghiệp từ 5 năm trở lên (tính từ ngày cấp bằng); Người có bằng đại học trong danh mục ngành thuộc nhóm 2, nhóm 3 theo quy định tại Phụ lục 02 của Thông báo này phải học bổ sung kiến thức ngành của chương trình đại học trước khi dự tuyển. Học viên phải đóng học phí các học phần bổ sung theo mức học phí quy định đối với hệ đại học.

5.4. Điều kiện thâm niên công tác:

Thí sinh đã tốt nghiệp đại học (dưới 5 năm) thuộc nhóm 1 được dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp. Những đối tượng còn lại được dự tuyển sau khi đã tốt nghiệp và được cấp chứng chỉ bổ sung kiến thức ngành, chuyên ngành của Học viện Tài chính.

5.5. Điều kiện về lý lịch:

Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

5.6. Điều kiện về sức khỏe:

Có đủ sức khỏe để học tập. Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học Học viện Tài chính sẽ xem xét, quyết định cho dự tuyển tùy tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành đào tạo.

5.7. Điều kiện về hồ sơ:

Thí sinh dự tuyển phải nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Học viện Tài chính.

6. Đối tượng và chính sách ưu tiên

6.1. Đối tượng ưu tiên:

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

6.2. Mức ưu tiên:

Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả xét tuyển 10 điểm theo thang điểm 100.

7. Kế hoạch tuyển sinh

7.1. Học bổ sung kiến thức:

Thời gian đăng ký học	Từ ngày 07/07 đến 16/07/2026	Các ngày trong tuần từ 8h00 đến 17h00
Địa điểm đăng ký học	Phòng Quản lý đào tạo, Phân hiệu Học viện Tài chính tại tỉnh Hưng Yên – Xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên	
Thời gian học BSKT	Từ ngày 27/07/2026 đến 14/09/2026	Thứ bảy, Chủ nhật và các buổi tối trong tuần
Thời gian thi các học phần	Từ ngày 19-20/09/2026	Tại Phân hiệu Học viện Tài chính tại tỉnh Hưng Yên
Thời gian nhận kết quả thi	Từ 26/09 đến 28/09/2026	

7.2. Đánh giá năng lực Tiếng Anh:

Thời gian đăng ký	Từ ngày 10/07 đến 18/07/2026	Các ngày trong tuần từ 8h00 đến 17h00
Xem hướng dẫn và đăng ký thi	https://daotaonganhan.hvtc.edu.vn/	
Thời điểm đánh giá	Ngày 26/07/2026	Học viện Tài chính (58 Lê Văn Hiến – Phường Đông Ngạc - Hà Nội)

7.3. Mẫu hồ sơ phát hành, nhận hồ sơ dự tuyển

Mẫu hồ sơ phát hành	Tài mẫu tại Website: www.hvtc.edu.vn hoặc www.saudaihoc.hvtc.edu.vn
Địa điểm nhận hồ sơ giấy	Phòng Quản lý đào tạo, Phân hiệu Học viện Tài chính tại tỉnh Hưng Yên –

	Xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên
Thời gian nhận hồ sơ	Từ 26/09/2026 đến 10/10/2026

7.4. Thời gian và địa điểm xét tuyển:


Thời gian xét tuyển	Dự kiến các ngày 17/10/2026 và 18/10/2026
Địa điểm xét tuyển	Học viện Tài chính (19 ngõ Hàng Cháo – Phường Ô Chợ Dừa - Hà Nội)

7.5. Thời gian công bố kết quả xét tuyển, nhập học và khai giảng khóa học


Công bố kết quả xét tuyển	Dự kiến từ ngày 23/10/2026 đến ngày 25/10/2026
Nhập học	Dự kiến từ ngày 28/10/2026 đến ngày 03/11/2026
Khai giảng	Dự kiến ngày 08/11/2026

8. Học phí: Dự kiến 1.200.000 đồng/01 tín chỉ.

Ghi chú:

- Đối với các thí sinh phải học bổ sung kiến thức:
- + Khi đến đăng ký học bổ sung mang theo bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp đại học, bảng điểm đại học (bản foto có công chứng) để đối chiếu. Lịch học các học phần bổ sung xem trên Website: www.hvtc.edu.vn hoặc www.saudaihoc.hvtc.edu.vn
- + Địa điểm thi các học phần bổ sung kiến thức; nhận kết quả thi bổ sung kiến thức tại Phòng Quản lý đào tạo, Phân hiệu Học viện Tài chính tại tỉnh Hưng Yên - Xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên.
- Học viện Tài chính chỉ nhận hồ sơ dự tuyển theo mẫu do Học viện phát hành tại kỳ tuyển sinh năm 2026 đợt 02.
- Học viện Tài chính sẽ thông báo kết quả tuyển sinh trên website: www.hvtc.edu.vn hoặc www.saudaihoc.hvtc.edu.vn và niêm yết tại bảng tin của Phân hiệu Học viện Tài chính tại tỉnh Hưng Yên -Xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên.
- Mọi thông tin chi tiết xin liên hệ theo số điện thoại: 0221.3985.386; 0963996669; 0912.565.238. 

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT, Bộ TC (*để báo cáo*);
- Các Bộ, Ngành, UBND các tỉnh;
- Ban GDHV, các Ban, Khoa, Bộ môn;
- Phân hiệu HVTC tại tỉnh Hưng Yên
- Lưu VT, khoa SDH. (6b) 



Nguyễn Đào Tùng

PHỤ LỤC 01
THANG ĐIỂM XÉT TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
TẠI HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

(Kèm theo Thông báo số 1123/TB-HVTC ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Học viện Tài chính)

TT	Nội dung, yêu cầu	Thang điểm	Tổng điểm tối đa	Tỷ trọng
1	Tốt nghiệp đại học		70	70%
	- Loại xuất sắc	70		
	- Loại giỏi	65		
	- Loại khá	60		
	- Loại khác	55		
2	Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành hoặc kỷ yếu hội thảo khoa học cấp trường trở lên		10	10%
	- Có từ 5 bài trở lên	10		
	- Có từ 2 - 4 bài	7		
	- Có 01 bài	3		
3	Tham gia hoặc chủ nhiệm: đề tài nghiên cứu KH hoặc công trình dự thi NCKH sinh viên		10	10%
	- Đề tài KH cấp Nhà nước	10		
	- Đề tài KH cấp Bộ /Thành phố/Tỉnh	7		
	- Đề tài KH cấp cơ sở	5		
	- Công trình dự thi NCKH sinh viên thuộc lĩnh vực kinh tế đạt giải cấp khoa (hoặc tương đương) trở lên hoặc giấy khen thành tích NCKH sinh viên cấp trường (hoặc cấp cơ sở) trở lên;	3		
4	Kinh nghiệm công tác (năm)		10	10%
	- Từ 10 năm trở lên	10		
	- Từ 5 - 9 năm	7		
	- Từ 2 - 4 năm	5		
	- Dưới 2 năm	3		
	Tổng		100	100%

PHỤ LỤC SỐ 02
NGÀNH PHÙ HỢP VỚI NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CỦA HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

(Kèm theo Thông báo số 1123/TB-HVTC ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Học viện Tài chính)

TT	Nhóm ngành đào tạo	Ngành (chuyên ngành) tốt nghiệp đại học
1.1	Nhóm 01:	Ngành Tài chính- Ngân hàng của Học viện Tài chính và của các cơ sở đào tạo khác.
1.2	Nhóm 02:	<ul style="list-style-type: none"> - Các ngành thuộc nhóm ngành Ngành Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm (trừ ngành Tài chính – Ngân hàng) của Học viện Tài chính và của các cơ sở đào tạo khác; - Các ngành thuộc nhóm ngành Kế toán - Kiểm toán của Học viện Tài chính và của các cơ sở đào tạo khác; - Các ngành thuộc nhóm ngành Kinh doanh; Quản trị - Quản lý của Học viện Tài chính và của các cơ sở đào tạo khác. - Các chuyên ngành/ngành: Tin học Tài chính kế toán; Tiếng Anh Tài chính-Kế toán; Kinh tế nguồn lực tài chính; Kinh tế đầu tư; Kinh tế - Luật của Học viện Tài chính và của các cơ sở đào tạo khác.
1.3	Nhóm 03:	<ul style="list-style-type: none"> - Các ngành thuộc nhóm ngành Kinh tế học và kinh tế các ngành/lĩnh vực như: Kinh tế công nghiệp; Kinh tế xây dựng; Kinh tế nông nghiệp; Kinh tế vận tải; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Luật kinh tế của các cơ sở đào tạo khác; - Các ngành thuộc lĩnh vực An ninh, Quốc phòng: Hậu cần công an nhân dân về tài chính, Hậu cần quân sự về tài chính.




PHỤ LỤC 03

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ
TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT
NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

(Kèm theo Thông báo số 123 /TB-HVTC ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Học viện Tài chính)

Ngôn Ngữ	TT	Tên VBCC	Bậc 3		Bậc 4	
			Điểm	Đáp ứng chuẩn đầu vào Thạc sĩ	Điểm	Đáp ứng đầu vào tiến sĩ/chuẩn đầu ra Thạc sĩ
Tiếng Anh	I					
	1	IELTS Academic	4.0-5.0	Từ Bậc 3 (4.5 theo bảng HVTC)	5.5-6.5	Từ Bậc 4 (5.5 trở lên)
	2	TOEFL iBT	30-45	FT	49-63	Từ Bậc 4
	3	TOEFL iBT từ tháng 01/2026	3	Từ mức 3	4	Từ mức 4
	4	TOEIC 4 kỹ năng	Nghe 275; Đọc 275; Nói 120; Viết 120	Từ Bậc 3	Nghe 400; Đọc 385; Nói 160; Viết 150	Từ Bậc 4 trở lên
	5	Linguaskill	140 -159	Từ 140 trở lên (B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/Linguaskill I)	160-179	Từ 160 trở lên (B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill)
	6	Aptis ESOL International Certificate	B1	Từ B1	B2	Từ B2
	7	Pearson English International Certificate (PEIC)	Level 2	Từ Level 2	Level 3	Từ Level 3
	8	Versant English Placement Test (VEPT)	67	Từ 67 điểm tương đương Bậc 3 theo bảng HVTC	Không xét	
	9	Pearson Test of English Academic (PTE Academic)	43-58	Từ 43 điểm	59-75	Từ 59 điểm
10	Cambridge Assessment English		B1 Thang điểm từ 140-159 B1 Preliminary/B1 Business Preliminary		B2 Thang điểm từ 160 trở lên B2 First/B2 Business Vantage	

	11	Chứng chỉ tiếng Anh theo KNLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Bậc 3	Từ Bậc 3	Bậc 4	Từ Bậc 4
	12	Bằng tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Anh	Không quy đổi điểm	Chấp nhận	Không quy đổi điểm	Chấp nhận
	13	Oxford Test of English (OTE)	Bậc 3	81-110	Bậc 4	111-140
		OTE Advanced			Bậc 4	111-140
	14	LANGUAGECERT International ESOL	Bậc 3	B1 Achiever	Bậc 4	B2 Communicator
		LANGUAGECERT Academic	Bậc 3	40-59	Bậc 4	60-74
	15	Kỳ thi đánh giá năng lực tại Học viện Tài chính	Bậc 3	Chấp nhận		
Tiếng Pháp	16	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399	DELFB1 Diplôme de Langue	TCF từ 400 trở lên	DELFB2 trở lên Diplôme de Langue.
Tiếng Trung Quốc	17	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	Bậc 3		Bậc 4	
 Tiếng Đức	18	Goethe - Institut	B1	Goethe-Zertifikat B1	B2	Goethe-Zertifikat B2 trở lên.
	19	The German (TestDaF language certificate)	Bậc 3	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	Bậc 4	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên.
Tiếng Nhật	20	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)		N4		N3 trở lên.
Tiếng Nga	21	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)		ТРКИ – 1		ТРКИ – 2

Danh sách gồm 21 Văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ./.

